

Số: 543/2020/QĐST-HNGĐ

T phố H, ngày 07 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 542/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/11/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Phạm Quang T, sinh năm 1986; địa chỉ: B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

2. Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1990; địa chỉ: B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Quang T và chị Nguyễn Thị Y có đăng ký kết hôn tại UBND P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H vào ngày 29/7/2011. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không chia sẻ được cuộc sống với nhau. Hiện nay, vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm nhau nữa. Nay vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T và chị Y không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T và chị Y được ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Phạm Quang T và chị Nguyễn Thị Y xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung:

Phạm Anh K, sinh ngày 29/3/2012;

Vợ chồng tự nguyện thỏa thuận: Giao cháu Phạm Anh K cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Y không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Quang T và chị Nguyễn Thị Y xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Quang T và chị Nguyễn Thị Y mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, anh T và chị Y đã nộp tại biên lai số AA/2013/0000704 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Quang T và chị Nguyễn Thị Y thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Phạm Quang T và chị Nguyễn Thị Y xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung:

Phạm Anh K, sinh ngày 29/3/2012;

Vợ chồng tự nguyện thỏa thuận: Giao cháu Phạm Anh K cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Y không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Quang T và chị Nguyễn Thị Y xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Quang T và chị Nguyễn Thị Y mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, anh T và chị Y đã nộp tại biên lai số AA/2013/0000704 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSNDTP H;
- THATP H;
- TAND Tỉnh TTH;
- UBND phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H (tại quyền 01/2011, số 44/2011);
- Luu.

THẨM PHÁN